

Số: 555/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Thông báo số 261-TB/TU ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy ngày 25/8 và ngày 26/8/2021;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang chịu trách nhiệm chỉ đạo hoạt động của Quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giám đốc sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng, nhiệm vụ ngành, lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang tổ chức các hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - CVP, PCVP UBND tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - Công Thông tin điện tử tỉnh;
 - Phòng THCB&KSTTHC;
 - Chuyên viên: TH, KT, TC;
 - Lưu VT, (Huy.THVX)
- (Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là mức vốn quy định tại Điều lệ này.
2. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thực cấp và được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ để hoạt động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.
3. “Vốn hoạt động” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.
4. “Người quản lý Quỹ Đầu tư phát triển” là người giữ các chức danh, chức vụ bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
5. “Người có liên quan” là cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ Đầu tư phát triển.

Điều 2. Tên gọi, nơi đặt trụ sở chính và thông tin liên lạc

1. Tên gọi của Quỹ:
 - a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.
 - b) Tên viết tắt: TDIF.
 - c) Tên giao dịch quốc tế: Tuyen Quang Development Investment Fund.
2. Trụ sở chính: Số 146, đường Xuân Hoà, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Thông tin liên lạc:

a) Điện thoại: (0207) 3817 537

b) Fax: (0207) 3817 537

c) Trang điện tử: <http://quydtpt.tuyenquang.gov.vn>

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng đầu tư và cho vay tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi chung là Quỹ).

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Đầu tư các dự án; đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ của Quỹ: 300 tỷ đồng (Ba trăm tỷ đồng).

2. Nguồn bổ sung vốn điều lệ: Nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước cấp theo quy định và nguồn quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ chênh lệch thu chi sau thuế hàng năm của Quỹ.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA QUỸ

Điều 6. Chức năng của Quỹ

Quỹ thực hiện chức năng đầu tư và cho vay bao gồm các hoạt động: Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ; hoạt động huy động vốn, hoạt động đầu tư; hoạt động cho vay; hoạt động nhận ủy thác và ủy thác; phát hành trái phiếu của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ

1. Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm và báo cáo quyết toán chênh lệch thu, chi của Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Về xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

a) Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 (năm) năm, tình hình thực tế của tỉnh và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đề xuất, báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bao gồm: Giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

b) Rà soát, báo cáo, đề xuất Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định.

3. Huy động các nguồn vốn trung và dài hạn, nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và quy chế của Hội đồng quản lý

4. Về hoạt động đầu tư

a) Lựa chọn, thẩm định, quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc một dự án có giá trị đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định theo quy định.

b) Quyết định hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế theo quy định.

c) Thực hiện các quy định về sử dụng vốn và tài sản của Quỹ; lựa chọn các hình thức đầu tư; các trường hợp không được đầu tư; đối tượng đầu tư; đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ

chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư; giới hạn đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18, 19, 20, 22 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

5. Về hoạt động cho vay

a) Quỹ được cho vay, cho vay hợp vốn đối với các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

c) Quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

d) Quyết định mức vốn cho vay đối với dự án cho vay có giá trị không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đảm bảo quy định giới hạn cho vay quy định tại Điều 29 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

đ) Thẩm định khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án tối đa 15 năm; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa 15 năm.

e) Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay gồm: Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư; cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai; bảo lãnh của bên thứ ba; các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

g) Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

h) Thực hiện các quy định về đối tượng và điều kiện cho vay; lãi suất cho vay; cho vay hợp vốn; giới hạn cho vay; phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay; cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ theo quy định tại Điều 23, 25, 27, 29, 30, 31 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

6. Quỹ được nhận ủy thác và ủy thác theo quy định tại Điều 32, 33 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Phát hành trái phiếu của Quỹ theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

8. Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, Quỹ có quyền hạn sau:

a) Thực hiện quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ.

c) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ dự án do Quỹ đầu tư, cho vay; định giá tài sản bảo đảm tiền vay.

d) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh, tài sản bảo đảm tiền vay của các tổ chức vay vốn tại Quỹ; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ đầu tư, cho vay cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

đ) Được đình chỉ việc đầu tư, cho vay; thu hồi các khoản đầu tư, cho vay trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

e) Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, đầu tư, cho vay vốn nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

g) Được tuyển dụng, thuê, bổ trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Quỹ; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

h) Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận uỷ thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, người lao động và thực hiện chế độ, chính sách đối với người quản lý Quỹ và người lao động của Quỹ; thực hiện quản lý tài sản, tài chính theo quy định.

10. Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất và chịu trách nhiệm tính chính xác, trung thực của thông tin theo quy định.

11. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của Quỹ

1. Thực hiện các quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ quy định tại Điều 5 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

3. Quản lý sử dụng vốn đúng mục đích; đảm bảo an toàn, phát triển vốn và tài sản, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.

4. Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ đã huy động từ các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 9. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ gồm:

a) Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Ban Kiểm soát Quỹ.

c) Ban điều hành, gồm: Giám đốc Quỹ chuyên trách, không quá 02 (hai) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc (các phòng, ban nghiệp vụ).

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ, người lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

Mục 1

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 10. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, được uỷ quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ gồm có 05 (năm) người. Giám đốc Quỹ kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý khác trong Quỹ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

5. Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý.

6. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ: Do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiêm nhiệm.

b) 02 Phó Chủ tịch Hội đồng: 01 Phó Chủ tịch là Giám đốc Quỹ kiêm nhiệm; 01 Phó Chủ tịch là lãnh đạo Sở Tài chính kiêm nhiệm.

c) Ủy viên Hội đồng: 01 lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng do Quỹ đề xuất.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

3. Quyết định mức vốn đầu tư, mức vốn cho vay, thời hạn cho vay; quyết định cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn theo thẩm quyền quyết định đầu tư.

4. Quyết định mức vốn đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định của Quỹ theo phân cấp tại Điều lệ này.

5. Ban hành Quy chế xử lý rủi ro sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Phê duyệt quy chế tuyển dụng lao động của Quỹ.

7. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật áp dụng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

8. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ; mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ.

9. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc đối với các chức danh người quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

10. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể bộ máy giúp việc (các phòng, ban nghiệp vụ) của Quỹ.

11. Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, nâng lương đối với thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng theo phân cấp tại Điều lệ này.

12. Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trước khi trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

c) Quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc vào một dự án có giá trị từ trên 5% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư; quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế đối với doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư và cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

d) Quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

đ) Quyết định thời hạn cho vay đối với một dự án đến từ trên 10 năm đến 15 năm.

e) Quyết định hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mức vốn đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định của Quỹ theo phân cấp tại Điều lệ này.

g) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, nâng lương đối với người quản lý Quỹ và các chức danh khác của Quỹ theo quy định và phân cấp tại Điều lệ này.

h) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền huỷ bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

i) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý.

k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ theo phân công và uỷ quyền.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

c) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý uỷ quyền bằng văn bản cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc

thẩm quyền. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các nhiệm vụ được uỷ quyền.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Hội đồng quản lý

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công hoặc uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

4. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản lý

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

Điều 13. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 (ba) tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một thành viên khác được Chủ tịch uỷ quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được người chủ trì và thư ký cuộc họp ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 2

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ; kiểm tra, giám sát việc Quỹ chấp hành các chính sách chế độ theo quy định của pháp luật; nghị quyết, quyết định của UBND và Hội đồng quản lý Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có tối đa 03 (ba) thành viên hoạt động theo chế độ chuyên trách, trong đó có 01 (một) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng ban Kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, nâng lương theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ; thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

5. Ban kiểm soát sử dụng con dấu của Quỹ đối với các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát Quỹ

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Được quyền yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ.

c) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

d) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các quy định khác trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho UBND tỉnh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 3

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Điều 16. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, nâng lương theo đề nghị của Hội đồng

quản lý Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

c) Quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc vào một dự án có giá trị dưới 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư; quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế đối với doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư và cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

d) Quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án dưới 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

đ) Quyết định thời hạn cho vay đối với một dự án đến 10 năm.

e) Quyết định hoặc trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt mức vốn đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định của Quỹ theo phân cấp tại Điều lệ này.

g) Ban hành các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

h) Trình Hội đồng quản lý Quỹ các nội dung về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền được phân cấp; quyết định các nội dung về công tác cán bộ theo quy định và phân cấp tại Điều lệ này.

i) Cung cấp, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác với Hội đồng quản lý Quỹ thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

k) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

l) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ uỷ nhiệm hoặc phân công nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 17. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm

trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Phó Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, nâng lương theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Quỹ phân công và ủy quyền.

Điều 18. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

2. Kế toán trưởng do Chủ Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; Hội đồng quản lý Quỹ quy hoạch, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, nâng lương đối với Kế toán trưởng.

3. Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là 05 (năm) năm.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Giám đốc Quỹ phân công hoặc ủy quyền.

b) Cung cấp, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác với Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, tài sản của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

c) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định theo Luật Kế toán, các quy định pháp luật về tài chính, kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

Điều 19. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm các phòng, ban nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Bộ máy giúp việc của Quỹ chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Giám đốc Quỹ quy định điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều

động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, nâng lương đối với các chức danh trưởng, phó các phòng, ban theo quy định của pháp luật.

4. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, ban được bổ nhiệm với thời hạn là 05 (năm) năm. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật trưởng, phó phòng, ban do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Việc tuyển dụng lao động của Quỹ được thực hiện theo Quy chế tuyển dụng lao động do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, phù hợp với quy mô hoạt động của Quỹ và kế hoạch lao động hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Giám đốc Quỹ quyết định việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, nâng lương đối với người lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục 4

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CÁC CHỨC DANH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ QUỸ

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Riêng tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự.

2. Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ hoặc người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm các chức danh này.

3. Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng. Riêng tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với Trưởng Ban kiểm soát áp dụng theo quy

định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ.

4. Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 22. Tiêu chuẩn, điều kiện Giám đốc Quỹ

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ hoặc người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

3. Có năng lực tổ chức điều hành bộ máy và triển khai các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

4. Hiểu biết về công tác tổ chức và nghiệp vụ tài chính, ngân hàng, kinh tế và đầu tư.

5. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

6. Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 23. Tiêu chuẩn, điều kiện Phó Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

3. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm thuộc một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

4. Có năng lực tổ chức điều hành bộ máy và triển khai các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

5. Hiểu biết về công tác tổ chức và nghiệp vụ tài chính, ngân hàng, kinh tế và đầu tư.

6. Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 24. Tiêu chuẩn, điều kiện Kế toán trưởng Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

3. Phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và pháp luật có liên quan.

Mục 5

CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC QUỸ

Điều 25. Trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.
3. Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
4. Nghỉ chế độ hưu trí.
5. Vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ này nhưng chưa đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy tố.
6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 26. Trường hợp miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Quỹ

1. Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát.
2. Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.
3. Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
4. Nghỉ chế độ hưu trí
5. Lợi dụng quyền hạn gây cản trở hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ này nhưng chưa đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy tố.
6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 27. Trường hợp miễn nhiệm Giám đốc Quỹ

1. Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ.
2. Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật.
3. Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ; không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác nhưng chưa đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc truy tố.

4. Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
5. Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
6. Nghỉ hưu chế độ hưu trí.
7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 28. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ này.
2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm Quỹ nộp báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước. Trong trường hợp cần thiết Quỹ có trách nhiệm cung cấp báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Khoản trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 30 Nghị định 147/2020/NĐ-CP và trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.
4. Quỹ thực hiện mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 29. Hoạt động đầu tư xây dựng mới, mua sắm tài sản cố định

1. Quỹ được sử dụng tối đa 10% vốn chủ sở hữu để đầu tư xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
2. Thẩm quyền phê duyệt mức vốn đầu tư xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định trong kế hoạch tài chính năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, như sau:
 - a) Mức vốn đầu tư xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định của Quỹ từ trên 02 (Hai) tỷ đồng do UBND tỉnh quyết định.
 - b) Mức vốn đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định của Quỹ từ trên 01 (Một) tỷ đồng đến 02 (Hai) tỷ đồng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.
 - c) Mức vốn đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định của Quỹ đến 01 (Một) tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 30. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng vay, nhận vốn đầu tư.

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh trong hoạt động của Quỹ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.

2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

3. Với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phục vụ cho sự phát triển chung của tỉnh.

b) Có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan, đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao

4. Với khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức vay, nhận vốn đầu tư:

a) Là mối quan hệ đối tác, hợp tác đôi bên cùng có lợi trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên theo quy định của pháp luật.

b) Có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục vay vốn của Quỹ nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng quy định của pháp luật đảm bảo hợp tác đôi bên cùng có lợi, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 31. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với Bộ Tài chính

1. Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và thực hiện cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Bộ Tài chính đối với Quỹ.

2. Chấp hành thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Quỹ theo quy định.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 32. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 33. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

1. Việc tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở Đề án tổ chức bộ máy đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại các Điều 43, 44, 45, 46, 47 Chương V Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2014 và Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung không quy định tại Điều lệ này được thực hiện theo Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 35. Quy trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kết quả hoạt động, báo cáo Hội đồng quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp./.